

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày 18/9/2018

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU' - TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà:* Ông Hà Toàn Thắng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, bà Nguyễn Thị Nhiều.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim.

- *Đại diện VKSND huyện Vũ Thu':* Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu', xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 60/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1983 (Có mặt).

Trú quán: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Đình G**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh T.

- Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh T.

2. Bà Phạm Thị G, sinh năm 1957 (Có mặt).

Trú quán: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (Chị Trần Thị M) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M kết hôn với anh Hoàng Đình G do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã M, huyện V, tỉnh T ngày 17 tháng 3 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G hay cãi vã và đánh đuổi chị, vì vậy chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 9/2012 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị M xác định không còn tình cảm với anh G nên chị xin được ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Hoàng Đình G có 01 con chung là Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 07/10/2012. Ly hôn chị M xin nuôi con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị M khai vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hoàng Đình G không đến Tòa án để trình bày, mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1956, trú tại thôn B, xã M, huyện V, tỉnh T (là bố đẻ của anh G) ngày 27 tháng 7 năm 2018 đã trình bày như sau:

Gia đình tôi đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp, Giấy triệu tập anh G của Tòa án. Gia đình tôi đã thông tin lại cho anh G biết, và anh G có ý kiến là không đồng ý ly hôn chị M.

Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 7 năm 2018 UBND xã M, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Chị Trần Thị M và anh Hoàng Đình G kết hôn do hai người tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký tại UBND xã M, huyện V, tỉnh T ngày 17 tháng 3 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh G cãi chửi và đánh đập chị M, vì vậy chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn L, xã M từ khoảng giữa năm 2012 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, nên nếu chị M có nguyện vọng ly hôn anh G thì địa phương cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị M và anh G có 01 con chung là Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 07/10/2012, hiện đang ở với chị M, đề nghị Tòa án giải quyết việc giao nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh G không có.

Bà Phạm Thị G (mẹ đẻ chị M) trình bày: Gia đình bà tổ chức cưới cho chị M và anh G ngày 17/3/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh T. Sau khi cưới thì anh chị chung sống với gia đình nhà chồng tại xã M được khoảng 03 tháng đã xảy ra mâu thuẫn, anh G không chịu làm ăn mà chỉ đòi tiền chị M, nếu không có là đánh đập, gia đình bà phát hiện anh G bị nghiện. Anh G đã nhiều lần bóp cổ chị M để tra khảo tiền, vì vậy chị M không chịu được phải bỏ về mẹ đẻ trong khi mang thai được

06 tháng. Chị M, anh G đã ly thân nhau từ tháng 09/2012 đến nay, anh G không có trách nhiệm với vợ con.

Nay chị M xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh G .

Về con chung: Chị M và anh G có 01 con chung là Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 07/10/2012, hiện đang ở với chị M, đề nghị Tòa án giao cho chị M nuôi con vì anh G không quan tâm gì đến con từ khi cháu được sinh ra đến nay.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh G không có.

- Đại diện VKS phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì thêm.

Về nội dung VKS đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Đề nghị:

- Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Hoàng Đình G.

- Về con chung: Xử cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi con chung là Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 07/10/2012, chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị M có đơn xin ly hôn anh Hoàng Đình G gửi Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M kết hôn với anh Hoàng Đình G do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã M, huyện V, tỉnh T ngày 17 tháng 3 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 09/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh G cãi chửi và đánh đập chị M, vì vậy chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn L, xã M từ tháng 09/2012 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Hoàng Đình G là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung của chị M và anh G là Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 07/10/2012, đã ở cùng chị M từ năm 2012 đến nay và anh G cũng không quan tâm chăm sóc con chung từ đó đến nay. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần tiếp tục giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, và nợ chung: Chị Trần Thị M không yêu cầu nên không giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Quan hệ hôn nhân: Xử chị Trần Thị M được ly hôn anh Hoàng Đình G.

2/ Về con chung: Xử cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi con chung là Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 07/10/2012, chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hoàng Đình G có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị M và anh Hoàng Đình G có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung, và nợ chung: Chị Trần Thị M không yêu cầu nên không giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ

chung sau khi ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Toà án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

4/ □n phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Trần Thị M đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0002917 ngày 13/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, thành án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã M, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hà Toàn Thắng

